



QUY ĐỊNH CHUNG KHI THAM GIA LỚP HỌC TIẾNG VIỆT

ベトナム語クラス履修の規定

(09月2019年～8月2020年有効)

I. QUY ĐỊNH VỀ VIỆC CẤP CHỨNG CHỈ CHỨNG NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG VIỆT, CHỨNG NHẬN DỰ LỚP VÀ CÁC CHỨNG NHẬN KHÁC—ベトナム語能力、コース履修などの証明書を発行することに関する規定

1. Chứng chỉ năng lực tiếng Việt (Hiệu trưởng ký): - ベトナム語能力証明書 (大学の学長の署名あり)

- ♦ Học viên thi đạt trong kỳ thi Năng lực tiếng Việt sẽ được cấp chứng chỉ sau kỳ thi 20 ngày. ベトナム語能力試験に合格した方が受験日から 20 日後ベトナム語能力証明書を受け取ることができる。
- ♦ Chứng chỉ có giá trị trong 2 năm - 証明書の有効期限は 2 年間以内です。
- ♦ Lệ phí - 手数料: cấp miễn phí lần đầu. Cấp lại: 200 000 đồng/lần - 初回目は無料であるが、再度発行申請の場合は一回当たり 50,000 ドン/一部である。 chỉ cấp lại trong vòng 5 năm kể từ ngày cấp lần đầu - 発行の初回目から 2 年間以内のみ再発行ができる)

2. Giấy xác nhận đã tham gia khoá học—ベトナム語コースの履修証明書:

- ♦ Giấy xác nhận tham gia khoá học (ghi rõ số tiết thực học) sẽ được cấp cho học viên có yêu cầu sau 01 tuần. ベトナム語コースの履修証明書 (実際に受けた時限数が記入される) を申請する場合、申請日の一週間後発行できる。
- ♦ Lệ phí: cấp miễn phí trong giai đoạn đang học, sau đó phải đóng 50 000 đồng/lần/giấy (chỉ cấp lại giấy xác nhận này trong vòng 5 năm tính từ ngày kết thúc khóa học—手数料: 本学科での学習中の場合は無料となります。学習の終了した場合は一回の発行の手数は 50000 ドン/一枚となります (履修したコースが終了後の 5 年以内のみ再発行ができる))。

Chỉ cấp lại giấy xác nhận này trong vòng 5 năm tính từ ngày kết thúc khóa học. コースの履修証明書の再発行は、コースの終了日から 5 年間以内のみ認められる。

- ♦ Lệ phí - 手数料: 一回当たり 50 000 ドン/一枚

3. Bảng điểm (Trưởng Khoa ký): - 成績証明書 (学科長のサインがあるもの)

- ♦ Chỉ cấp cho học viên tham dự lớp nhóm mở rộng hoặc học lớp đặt riêng với ít nhất 60 tiết học/trình độ và đã tham gia kỳ kiểm tra cuối khóa. グループクラスか個人クラスで同レベルのコースを 60 時限以上履修し終え、コース終了のテストを受けた学生たちのみに証明書を発行する。
- ♦ Học viên yêu cầu kiểm tra riêng thì đóng lệ phí 700,000VND/bài kiểm tra. 履修者が個人の請求でテストを受ける場合、一回のテストで 700,000VND 支払う必要がある。
- ♦ Chỉ cấp lại bảng điểm này trong vòng 5 năm tính từ ngày kết thúc khóa học. コース履修の証明書の再発行は、コースの終了日から 5 年間以内のみ認められる。
- ♦ Lệ phí - 手数料: 一回当たり 50,000 ドン/一枚

4. Giấy xác nhận đang học (Hiệu trưởng ký):一コース履修中の証明書 (大学の学長の署名あり)

- ♦ Học viên muốn xin xác nhận đang là học viên tại Khoa cần báo cho văn phòng biết trước một tuần. コース履修中の証明書を申請する場合、申請する日の一週間後、ベトナム学学科の事務室にて受け取ることができる。
- ♦ Lệ phí - 手数料 : 一回当たり 50,000ドン/一枚

☞ Lưu ý dành cho sinh viên đến từ các trường đại học hệ chính qui nước ngoài: 海外の大学からの留学生に対する注意事項 :

Sinh viên có nhu cầu cấp giấy xác nhận và bảng điểm không theo 3 mẫu trên thì cần báo với văn phòng về kế hoạch học tập của mình ngay ngày đầu tiên đến đăng ký học.

上記の三つの証明書の形式と違ったものを要求したい学生が、当学科で入学手続きを行う日に自分の学習計画などを事務室の責任者に報告する必要がある。

II. QUY ĐỊNH VỀ HỌC PHÍ一授業料に関する規定

Học phí không được hoàn trả với bất cứ lý do nào一いづれの理由があっても納入された授業料が一切返還されることはない。

Trong trường hợp hủy lớp do số lượng học viên không đủ theo quy định, vui lòng mang theo biên lai học phí để nhận lại học phí 学校規則に基づき、学生数不足のためにクラス開講がキャンセルされた場合、返金を受ける事ができる。その場合、授業料の領収書が必要である。

1. Đối với lớp nhóm mở rộng – オープングループクラス:

a. Giảm học phí一授業料の減少:

Giảm 05% cho học viên trả học phí trọn khoá trước 3 ngày làm việc kể từ ngày khai giảng (không tính thứ bảy, chủ nhật và ngày lễ). Ví dụ: nếu ngày khai giảng là ngày 20, học phí được giảm 05% nếu trả từ ngày 17 trở về trước (không tính thứ 7, chủ nhật và ngày lễ).

コースが開講される3日間前に(土、日曜日及び祝祭日を除く)全コースの授業料を一括して支払った学習者は、授業料を05%減少することとなる。例えば:もしコース開始日は20日であれば17日以前から授業料を支払った場合は、05%減少の対象となる(土、日曜日及び祝祭日を除く)。

b. Bảo lưu học phí一授業料の保留

♦ Chỉ giải quyết một trong 3 trường hợp: về nước, đi công tác hoặc bệnh nặng không thể tiếp tục học.

次の三つの場合のみは、授業料を保留できる対象となる: 帰国、出張、あるいは深刻な病状

♦ Chỉ chấp nhận bảo lưu học phí từ 20 tiết học trở lên一収められた20時限以上授業料分のみ保留が認められる。

♦ Khi bảo lưu học phí, số giờ đã học sẽ được tính lại với mức phí như sau: 納入した授業料の保留を延期する場合、履修が終えた授業の時間分は、以下の値段で再計算される こととなります。

Trình độ一レベル	Học phí/tiết học
Sơ cấp一初級	90,000 VND/tiết — 90.000ドン/時間
Trung cấp一中級	100,000 VND/tiết — 100.000ドン/時間
Nâng cao一上級	105,000 VND/tiết — 105.000ドン/時間

♦ Thủ tục xin bảo lưu: Học viên hoặc người thân phải trực tiếp đến văn phòng để làm đơn xin bảo lưu (theo mẫu) và nộp giấy tờ trình bày lý do xin bảo lưu trước ngày kết thúc khoá học一授業料保留の申請手続き: 学習者あるいは家族の人が、直接当学科の事務室にて保留の申込み書に記入した上(申し込み用紙有り)、コースが終了する前に、保留申請の説明書を提供する必要がある。

- ♦ Sau khi được Khoa chấp thuận thì học phí sẽ được bảo lưu 3 tháng kể từ ngày xin bảo lưu—当学科から保留許可を得た場合は、保留の申請日から3ヶ月以内授業料は保留されることとなる。
- ♦ Trong thời hạn bảo lưu: Học viên muốn đăng ký học lại thì phải đến văn phòng và mang theo bản photo của đơn xin bảo lưu (có chữ ký đồng ý của Khoa). Nếu không có lớp khoá phù hợp trình độ thì học viên sẽ được học lớp đặt riêng theo sự sắp xếp của văn phòng—保留期間中：再び履修登録を行いたい学習者が、授業料保留の申請書（当学科の証明があるもの）のコピー版を事務室まで持参する必要がある。
- ♦ Sau ngày cuối cùng của thời hạn bảo lưu: nếu học viên không đến để đăng ký học lại, việc bảo lưu sẽ không còn hiệu lực và *học phí xem như mất*—保留期間の最終日以降：保留期間中学習者が履修登録を再度行わない場合、保留が無有効になり、納入済みの授業料が無くなる。

2. Đối với lớp đặt riêng—個人クラスに対して:

- ♦ Học phí được giảm 5% nếu đáp ứng cả 2 điều kiện sau—下記の二つの条件に満たす場合は、授業料の5%減少の対象となる。
 - Trả trước 3 ngày làm việc của ngày đầu tháng (không tính thứ 7, CN & ngày nghỉ)—月の初日の三日前から授業料を支払うべきである（土、日曜日及び祝祭日を除く）。
 - Trả 40 tiết học/tháng/lần, hoặc trả đủ các ngày làm việc trong tháng—1ヶ月の40時限の授業料は一括支払いである。または一ヶ月内の勤務日数に従い計算された時限数の授業料を支払う。
- ♦ Học viên phải đi học theo lịch đã đăng ký và không được thay đổi. Nếu không thì buổi học vẫn được tính tiền.—登録したスケジュールに従って授業を受けなければならない。変更などは不可能である。スケジュール通り授業に出席しない場合でも、授業料が計算されることとなる。
- ☞ **Lưu ý (1) + (2):** Trường hợp nhà trường cho nghỉ đột xuất vì lý do cúp điện, giáo viên ốm,..thì học viên được học vào buổi khác theo sự sắp xếp của văn phòng. Nếu học viên không tham gia thì học phí xem như mất.

注意：停電や講師の病気などの原因で休講になる場合は、事務室のアレンジ次第、他の日に補講が行われる。補講を受けない場合でも、授業料が計算されることとなる。

III. QUY ĐỊNH KHÁC—他の規定

1. Kiểm tra xếp lớp—クラス分けテスト

Học viên được kiểm tra xếp lớp trước khi vào học, trừ học viên mới bắt đầu học.

初心者を除き、コース履修の前に学習者がクラス分けのテストを受ける必要がある。

2. Kiểm tra cuối khoá—コース終了のテスト

- ♦ Mục đích: đánh giá kết quả học tập trong khoá

テストの目的：コース履修中の学力評価

- ♦ Kiểm tra cuối khoá: chỉ tổ chức cho các lớp hoàn thành ½ sách hoặc một sách.

コース終了のテスト：テキストの半分、或いは全部終了したクラスのみで行われる。

3. Học thử (không áp dụng cho lớp riêng và E1)—授業の履修を試す (E1, 個人クラスはできない)

Học viên chỉ được học thử 1~2 lần/một lớp và tối đa 2 lớp. Sau khi chọn được lớp phù hợp, học phí sẽ được tính từ ngày học thử của lớp đã chọn.—学習者が一クラスで1回か2回程度、最多二クラスで授業の履修を試すことができる。適切なクラスを見つけた後、そのクラスで履修を試した日からの授業料を支払う必要がある。

4. Chuyển lớp (chỉ áp dụng cho lớp nhóm mở rộng và chỉ được chuyển 01 lần/khoá): 一クラス変更 (グループクラスのみ変更の対象となり、コース期間中クラス変更は一回のみできる)

Chỉ chấp nhận 2 trường hợp xin chuyển lớp: 一次の二つの場合のみクラス変更できる。

➤ Trường hợp không phù hợp trình độ: chỉ chấp nhận trong vòng 5 ngày đầu tiên của khoá và phải có sự đồng ý của giáo viên phụ trách. レベルに合わない場合: クラス担当の教員による同意を得た上、コースの開講日から5日間以内のみクラス変更が認められる。

➤ Trường hợp không phù hợp thời gian: phải có giấy xác nhận của cơ quan làm việc và trước 10 ngày kết thúc khoá học。時間に合わない場合: コースが終了する10日前に所属する職場からの勤務時間の証明書を提出する必要がある。

☞ **Lưu ý:** Nếu vẫn chưa có lớp khác phù hợp thì học viên sẽ phải chờ học khoá gần nhất hoặc được sắp xếp học lớp đặt riêng cho hết số học phí còn lại。適切なクラスのない場合は、次に開講されるコースを待つ必要がある。または、授業料が無くなるまで個人クラスで勉強していただくようアレンジされることとなる。

5. Trang phục:

Học viên ăn mặc lịch sự khi đến trường, không đội mũ, đeo kính mát trong lớp học。

服装: 大学に来る際、きちんとした服装を着、クラスの中で帽子をかぶったりサングラスをかけたりしないことが求められる。

6. Cấm hút thuốc:

Học viên không được phép hút thuốc trong khuôn viên trường。

喫煙禁止: 大学内での喫煙は禁止である。

7. Quyền từ chối: Khoa Việt Nam học có quyền từ chối đăng ký học đối với các học viên có thái độ thiếu lịch sự, thiếu cộng tác với các cán bộ, giáo viên, nhân viên trong Khoa, trong trường。

拒否する権利: ベトナム学学科が本大学や学科の教員及び職員の方々に対して協力の欠如で不親切な態度のある学習者の履修登録を拒否する権利を持っている。

ホーチミン市2019年9月01日

TRƯỜNG KHOA

学科長

Lê Giang 教授